

Chương V. PHẠM VI CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi và tiến độ cung cấp thuốc

1. Phạm vi cung cấp thuốc

Phạm vi cung cấp là danh mục thuốc mời thầu tại Mẫu số 00. Bảng phạm vi cung cấp, tiến độ cung cấp và yêu cầu về kỹ thuật của thuốc. Đối với các thuốc trong danh mục mời thầu thuộc danh mục thuốc có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp được Bộ Y tế ban hành (Danh mục ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 03/2024/TT-BYT ngày 16/04/2024 của Bộ Y tế) thì nhà thầu chỉ chào thầu thuốc sản xuất trong nước cùng tiêu chí kỹ thuật đó.

2. Tiến độ cung cấp thuốc

- Thuốc phải được giao đủ số lượng và đúng các thông tin, tiêu chuẩn như trong E-HSDT
- Thời gian giao thuốc trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được đơn đặt hàng của chủ đầu tư
- Thuốc phải được giao hàng thành nhiều đợt, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, theo yêu cầu (dự trù) của chủ đầu tư
- Địa điểm giao hàng:
 - + Phân trại số 1: Xã Định Mỹ, tỉnh An Giang
 - + Phân trại số 2: Xã Định Mỹ, tỉnh An Giang

Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu kỹ thuật (mang tính kỹ thuật thuần túy) và các yêu cầu khác liên quan đến việc cung cấp thuốc (trừ giá). Yêu cầu về kỹ thuật phải được nêu đầy đủ, rõ ràng và cụ thể để làm cơ sở cho nhà thầu lập E-HSDT. Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, đồng thời cũng không đưa ra các yêu cầu quá cao dẫn đến làm tăng giá dự thầu hoặc làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu, không được nêu yêu cầu về nhãn hiệu cụ thể của thuốc. Khi chưa có kết quả đàm phán giá thuốc được công bố, nếu Bộ phận y tế của Chủ đầu tư thống nhất ý kiến cần sử dụng thuốc biệt dược gốc hoặc sinh phẩm tham chiếu để phục vụ nhu cầu, Chủ đầu tư xây dựng gói thầu thuốc biệt dược gốc nhưng phải ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” để tạo thuận lợi cho nhà thầu trong quá trình chuẩn bị E-HSDT.

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

2.1. Giới thiệu chung về gói thầu

- Tên gói thầu: “Gói thầu HH-01: Mua thuốc và vật tư y tế 6 tháng cuối năm 2026 tại Trại giam Định Thành”
- Tên dự toán mua sắm: Mua thuốc và vật tư y tế 6 tháng cuối năm 2026 tại Trại giam Định Thành
- Chủ đầu tư: Trại giam Định Thành
- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước
- Loại hợp đồng: Trọn gói
- Thời gian thực hiện gói thầu: 6 tháng
- Địa điểm thực hiện:
 - + Phân trại số 1: Xã Định Mỹ, tỉnh An Giang

+ Phân trại số 2: Xã Định Mỹ, tỉnh An Giang

- Nội dung gói thầu: Theo danh mục thuốc mời thầu đính kèm trong E-HSMT

2.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Chủ đầu tư căn cứ thông tin về thuốc đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (giấy đăng ký lưu hành, giấy phép nhập khẩu, tờ hướng dẫn sử dụng thuốc), thông tin về nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP của cơ sở sản xuất tại công văn, quyết định phê duyệt của Cục Quản lý Dược; Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền hoặc được công bố trên Trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược; Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền và các thông tin khác để đánh giá kỹ thuật của thuốc.

2.2.1. Yêu cầu chung

2.2.1.1. Thuốc dự thầu được phép lưu hành hợp pháp tại Việt Nam

a) Thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu còn hiệu lực tại Việt Nam.

Đối với trường hợp mặt hàng thuốc tham dự thầu có giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu hết hạn hiệu lực trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu có văn bản cam kết đảm bảo cung ứng thuốc theo yêu cầu của E-HSMT và bổ sung thẻ kho tương ứng 03 tháng theo tiến độ cung ứng được ghi trong E-HSMT (đối với thuốc phóng xạ thì thay thẻ kho bằng giấy tờ khác phù hợp; đối với mua sắm tập trung thì không áp dụng chứng minh bằng thẻ kho);

Đối với trường hợp giấy phép GMP hết hiệu lực trước thời điểm đóng thầu nhà thầu có văn bản cam kết đảm bảo cung ứng thuốc theo yêu cầu của E-HSMT và bổ sung thẻ kho tương ứng 03 tháng theo tiến độ cung ứng được ghi trong E-HSMT (đối với thuốc phóng xạ thì thay thẻ kho bằng giấy tờ khác phù hợp; đối với mua sắm tập trung thì không áp dụng chứng minh bằng thẻ kho);

Trong quá trình đánh giá E-HSMT nếu các giấy tờ trên được gia hạn hoặc cấp mới thì không cần xem xét thẻ kho.

b) Thuốc tham dự thầu không bị thu hồi giấy đăng ký lưu hành theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Dược.

c) Thuốc tham dự thầu không có thông báo thu hồi theo quy định tại Thông tư số 30/2025/TT-BYT ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Bộ Y tế hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn chất lượng, kiểm nghiệm thuốc, nguyên liệu làm thuốc và thu hồi, xử lý thuốc vi phạm... (trường hợp thu hồi một hoặc một số lô thuốc xác định thì các lô thuốc không bị thu hồi vẫn được phép lưu hành hợp pháp)

2.2.1.2. Thuốc dự thầu vào gói thầu, nhóm thuốc phù hợp

Theo danh mục thuốc mời thầu đính kèm trong E-HSMT. Gói thầu được phân chia thành 05 nhóm theo tiêu chí kỹ thuật như sau (theo Điều 4 Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế):

***Nhóm 1** bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam và đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

a) Được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP tại nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP;

b) Thuốc thuộc danh mục thuốc biệt dược gốc hoặc sinh phẩm tham chiếu do Bộ Y tế công bố;

c) Được sản xuất toàn bộ các công đoạn tại Việt Nam và phải đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau đây:

- Sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP;

- Được cơ quan quản lý dược của nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA cấp phép lưu hành theo quy định tại khoản 4 Điều 38 của Thông tư số 40/2025/TT-BYT.

- Thuốc lưu hành tại Việt Nam và thuốc được cơ quan quản lý dược của nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA cấp phép lưu hành phải có cùng công thức bào chế, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng, phương pháp kiểm nghiệm; được chất, tá dược phải có cùng tiêu chuẩn chất lượng, cơ sở sản xuất, địa điểm sản xuất theo quy định tại khoản 4 Điều 38 của Thông tư số 40/2025/TT-BYT.

***Nhóm 2** bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam và đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

a) Được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP;

b) Được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc tại nước là thành viên PIC/s đồng thời là thành viên ICH, được cơ quan quản lý có thẩm quyền của nước này cấp chứng nhận đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn PIC/s-GMP và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn PIC/s-GMP.

***Nhóm 3** bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố có chứng minh tương đương sinh học.

***Nhóm 4** bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam và được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất tại Việt Nam được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP.

***Nhóm 5** bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam.

Thuốc dự thầu vào các nhóm thuốc trên phải phù hợp với quy định tại Điều 11 của Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế.

Nhà thầu không chào thầu thuốc nhập khẩu cùng nhóm tiêu chí kỹ thuật đối với các thuốc mời thầu thuộc Danh mục thuốc có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp (ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 03/2024/TT-BYT ngày 16/04/2024 của Bộ Y tế).

2.2.2. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết

- Thuốc dự thầu phải có Tên hoạt chất, Nồng độ, Hàm lượng, Đường dùng, Dạng bào chế, Số lượng, Đơn vị tính đáp ứng yêu cầu mời thầu nêu tại Mẫu số 00 Chương IV E-HSMT, thông tin trong Giấy đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu và Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Đường dùng của thuốc trong Mẫu số 00 Chương IV E-HSMT được thống nhất như sau:

+ Uống bao gồm các thuốc uống, nhai, ngậm;

- + Tiêm bao gồm các thuốc tiêm bắp, tiêm dưới da, tiêm trong da, tiêm tĩnh mạch, tiêm truyền, truyền tĩnh mạch, tiêm vào ổ khớp, tiêm nội nhãn cầu, tiêm trong dịch kính của mắt, tiêm hoặc truyền vào các khoang của cơ thể;
 - + Dùng ngoài bao gồm các thuốc bôi ngoài da, xoa ngoài da, dán ngoài da, xịt ngoài da, thuốc rửa, bôi vào niêm mạc, súc miệng;
 - + Đặt bao gồm các thuốc đặt âm đạo, đặt hậu môn, thụt hậu môn hoặc trực tràng, đặt dưới lưỡi, đặt niệu đạo, đặt trong má, đặt hoặc cấy dưới da;
 - + Hô hấp bao gồm các thuốc phun mù, dạng hít (dung dịch, hỗn dịch, bột dùng để hít), khí dung, xịt họng, bơm nội khí quản;
 - + Nhỏ mắt bao gồm các thuốc nhỏ mắt, tra mắt; nhỏ tai bao gồm các thuốc nhỏ tai; nhỏ mũi bao gồm thuốc nhỏ mũi, xịt mũi;
 - + Đường dùng khác được ghi cụ thể trong Mẫu số 00 Chương IV E-HSMT đối với một số thuốc có đường dùng, dạng dùng khác với các đường dùng nêu trên.
- Đảm bảo còn hạn sử dụng: Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tại thời điểm giao hàng phải tối thiểu 12 tháng đối với thuốc có hạn dùng 24 tháng, 24 tháng đối với thuốc có hạn dùng 36 tháng và bằng ít nhất 1/4 tổng thời gian hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 24 tháng. Thuốc phải bảo đảm còn hạn sử dụng trong suốt quá trình sử dụng theo nhu cầu của đơn vị.

BẢNG PHẠM VI CUNG CẤP, TIỀN ĐỘ CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT CỦA THUỐC

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Giá kế hoạch (đồng)	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Khối lượng	Tiền độ cung cấp	Yêu cầu về xuất xứ (nếu có)
1	G.01	Alphachymotrypsin	8400IU	Đường uống	Viên	965.240.470	4	Viên	7.000	6 tháng	
2	G.02	Paracetamol; Ibuprofen	325mg; 200mg	Đường uống	Viên		2	Viên	17.000	6 tháng	
3	G.03	Nhôm phosphat gel 20%	12,38 g	Đường uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống		4	Gói	540	6 tháng	
4	G.04	Amlodipin	5mg	Đường uống	Viên nang		4	Viên	20.000	6 tháng	
5	G.05	Nhôm Hydroxyd gel, Magnesi Trisilicat, Kaolin	250mg, 350mg, 50mg. Hộp 250 viên	Đường uống	Viên		4	Hộp	40	6 tháng	
6	G.06	Atorvastatin	10mg	Đường uống	Viên		4	Viên	1.200	6 tháng	
7	G.07	Thiamin hydroclorid; Riboflavin; Nicotinamid	1 mg, 1 mg, 15 mg	Đường uống	Viên nang		4	Viên	40.000	6 tháng	
8	G.08	Cao khô Actisô; Cao khô Rau đắng đất; Cao khô Bìm bìm		Đường uống	Viên		3	Viên	7.000	6 tháng	
9	G.09	Berberin chlorid	100mg	Đường uống	Viên nang		4	Viên	11.000	6 tháng	
10	G.10	Ibuprofen	600mg	Đường uống	Viên		4	Viên	30.000	6 tháng	
11	G.11	Lactobacillus acidophilus; Lactobacillus sporogenes; Lactobacillus kefir	10 mũ 6 - 10 mũ 7 CFU/ 500 mg	Đường uống	Viên nang		4	Viên	5.000	6 tháng	
12	G.12	Bromhexin hydroclorid	8mg	Đường uống	Viên nang		4	Viên	9.000	6 tháng	
13	G.13	Calci; Vitamin D3	300mg ; 200IU	Đường uống	Viên		2	Viên	16.000	6 tháng	
14	G.14	Calci	500mg	Đường uống	Viên sủi		4	Viên	1.360	6 tháng	

15	G.15	Captopril	25mg	Đường uống	Viên		4	Viên	1.600	6 tháng	
16	G.16	Cephalexin	500mg	Đường uống	Viên nang		2	Viên	24.000	6 tháng	
17	G.17	Cefuroxim	500mg	Đường uống	Viên		3	Viên	6.000	6 tháng	
18	G.18	Cetirizin dihydroclorid	10mg	Đường uống	Viên		4	Viên	30.000	6 tháng	
19	G.19	Ciprofloxacin	500mg	Đường uống	Viên		4	Viên	11.300	6 tháng	
20	G.20	Clorpheniramin maleat	4mg	Đường uống	Viên		4	Viên	45.000	6 tháng	
21	G.21	Cloramphenicol; Dexamethason acetat	160 mg, 4 mg	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài		4	Lọ	660	6 tháng	
22	G.22	Natri camphosulfonat; Lactien	2,5g/25ml; 5g/25ml	Đường uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống		4	Chai	120	6 tháng	
23	G.23	Rosuvastatin	10mg	Đường uống	Viên		1	Viên	168	6 tháng	
24	G.24	Paracetamol; Phenylephrin HCl	500mg; 10mg	Đường uống	Viên		2	Viên	30.000	6 tháng	
25	G.25	Di-iodohydroxyquinolin	210mg	Đường uống	Viên		4	Viên	11.000	6 tháng	
26	G.26	Metformin hydroclorid	850mg	Đường uống	Viên		3	Viên	2.100	6 tháng	
27	G.27	Gliclazide	60mg	Đường uống	Viên		1	Viên	1.350	6 tháng	
28	G.28	Glucose	5%/500ml	Truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm truyền		4	Chai	120	6 tháng	
29	G.29	Mỗi 500 ml dung dịch chứa: Natri clorid 3,00g Kali clorid 0,15g Calci clorid dihydrat 0,10g Natri lactat khan 1,55 g (dưới dạng dung dịch Natri lactat 60% 2,58g)	3g; 0,15g; 0,1g; 1,55g	Truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm truyền		4	Chai	120	6 tháng	

30	G.30	Natri clorid	0,9%/500ml	Truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm truyền		4	Chai	120	6 tháng	
31	G.31	Methylen blue; Bromo camphor	20mg; 20mg	Đường uống	Viên		4	Viên	3.000	6 tháng	
32	G.32	Omeprazole	20mg	Đường uống	Viên bao tan ở ruột		4	Viên	40.000	6 tháng	
33	G.33	Sulpirid	50mg	Đường uống	Viên nang		4	Viên	1.000	6 tháng	
34	G.34	Tetracyclin hydroclorid	500 mg	Đường uống	Viên nang		4	Viên	5.000	6 tháng	
35	G.35	Vitamin E	400UI	Đường uống	Viên nang		2	Viên	600	6 tháng	
36	G.36	bào tử đa kháng sinh Bacilluscausii	2 tỉ bào tử/5ml	Đường uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống		1	Ống	800	6 tháng	
37	G.37	Thiamin HCl (vitamin B1); Riboflavin natri phosphat (tương đương vitamin B2 0,2 mg); Vitamin PP	5mg; 0,274mg; 40mg	Thuốc nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt		4	Chai	150	6 tháng	
38	G.38	Esomeprazole	40mg	Đường uống	Viên bao tan ở ruột		4	Viên	2.600	6 tháng	
39	G.39	Eucalyptol, menthol, Tinh dầu tần, tinh dầu gừng	100mg; 0,5mg; 0,18mg; 0,5mg	Đường uống	Viên nang		4	Viên	24.000	6 tháng	
40	G.40	Furosemid	40mg	Đường uống	Viên		2	Viên	1.000	6 tháng	
41	G.41	Metformin hydroclorid	750mg	Đường uống	Viên giải phóng có kiểm soát		1	Viên	180	6 tháng	
42	G.42	Paracetamol	500mg	Đường uống	Viên sủi		3	Viên	1.240	6 tháng	
43	G.43	Acid mefenamic	500mg	Đường uống	Viên		4	Viên	6.000	6 tháng	
44	G.44	Meloxicam	7,5mg	Đường uống	Viên		1	Viên	150	6 tháng	
45	G.45	Glibenclamid; Metformin hydroclorid	5mg; 500mg	Đường uống	Viên		4	Viên	180	6 tháng	

46	G.46	Lincomycin hydroclorid	500mg	Đường uống	Viên nang		4	Viên	4.200	6 tháng	
47	G.47	Loperamide hydrochloride	2 mg	Đường uống	Viên nang		4	Viên	2.900	6 tháng	
48	G.48	Loratadin	10mg	Đường uống	Viên		4	Viên	15.000	6 tháng	
49	G.49	Losartan kali	50 mg	Đường uống	Viên		2	Viên	3.500	6 tháng	
50	G.50	Magnesi lactat dihydrat; Pyridoxin hydroclorid	470mg, 5mg	Đường uống	Viên		4	Viên	9.000	6 tháng	
51	G.51	Methylprednisolone	16mg	Đường uống	Viên		1	Viên	6.000	6 tháng	
52	G.52	Piracetam	800mg	Đường uống	Viên		4	Viên	8.000	6 tháng	
53	G.53	Meloxicam	7,5mg	Đường uống	Viên		4	Viên	10.000	6 tháng	
54	G.54	Metronidazol	250mg	Đường uống	Viên		2	Viên	3.000	6 tháng	
55	G.55	Colchicin	1mg	Đường uống	Viên		4	Viên	500	6 tháng	
56	G.56	Diethyl Phtalat	5,2g/8g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài		4	Lọ	660	6 tháng	
57	G.57	Thiamin mononitrat; Riboflavin; Pyridoxin hydroclorid; Nicotinamid; Calci pantothenat	2 mg, 2 mg, 2 mg, 20mg, 10 mg	Đường uống	Viên		4	Viên	24.300	6 tháng	
58	G.58	Domperidon	10mg	Đường uống	Viên		2	Viên	16.300	6 tháng	
59	G.59	Acid Ascorbic, Dexpanthenol, Dextrose, Nicotinamid, Pyridoxin HCl, Riboflavin (dưới dạng Natri Riboflavin Phosphat), Thiamin HCl	500mg, 25g, 625mg, 250mg, 25mg, 25mg, 125mg	Truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm truyền		2	Chai	5	6 tháng	
60	G.60	Natri clorid	90mg/10ml	Dung dịch thuốc nhỏ	Thuốc nhỏ mắt (nhỏ mũi)		4	Chai	1.200	6 tháng	

72	G.72	Dexamethason natri phosphat; Naphazolin nitrat; Neomycin sulfat; Riboflavin natri phosphat	2,5mg; 2,5mg; 32.500IU; 0,05mg	Dung dịch thuốc nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt		4	Chai	730	6 tháng	
73	G.73	Prednisolon	5mg	Đường uống	Viên nang		4	Viên	30.000	6 tháng	
74	G.74	Bambuterol hydroclorid	20 mg	Đường uống	Viên		4	Viên	4.000	6 tháng	
75	G.75	Cao đặc rễ Đinh lăng 5: 1; Cao khô lá Bạch quả (Hàm lượng flavonoid toàn phần $\geq 24\%$)		Đường uống	Viên		4	Viên	4.000	6 tháng	
76	G.76	Alimemazin	5mg	Đường uống	Viên		4	Viên	21.000	6 tháng	
77	G.77	Telmisartan; Hydrochlorothiazide	40mg, 12,5	Đường uống	Viên		1	Viên	168	6 tháng	
78	G.78	Betamethason dipropionat; acid salicylic	4,0 mg, 240 mg	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài		4	Lọ	1.400	6 tháng	
79	G.79	Diosmectite	3g	Đường uống	Bột/cốm/hạt pha uống		1	Gói	300	6 tháng	
80	G.80	Trimetazidine dihydrochloride	35mg	Đường uống	Viên giải phóng có kiểm soát		1	Viên	300	6 tháng	
81	G.81	Trimetazidin dihydroclorid	20mg	Đường uống	Viên		2	Viên	13.860	6 tháng	
82	G.82	Amoxicillin	500 mg	Đường uống	Viên nang		4	Viên	20.300	6 tháng	
83	G.83	Vitamin A (Retinyl palmitat); Vitamin D3 (Cholecalciferol)	2500IU; 200IU	Đường uống	Viên nang		4	Viên	8.500	6 tháng	
84	G.84	Acid ascorbic	500mg	Đường uống	Viên		4	Viên	16.000	6 tháng	
85	G.85	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat)	Mỗi 2,5ml chứa 2,5mg	Hít qua đường miệng	Dung dịch/hỗn dịch khí dung		1	Ống	50	6 tháng	
86	G.86	Salbutamol	100mcg/liều xịt	Hỗn dịch xịt qua	Thuốc hít định		1	Bình	12	6 tháng	

				binh định liều điều áp	liều/phun mũ định liều						
87	G.87	Almagat	1g/15ml	Đường uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống		2	Gói	3.000	6 tháng	
88	G.88	Diclofenac natri	75mg	Đường uống	Viên bao tan ở ruột		4	Viên	36.300	6 tháng	
89	G.89	Diclofenac natri	75mg/3ml	Tiêm	Thuốc tiêm		4	Ống	100	6 tháng	
90	G.90	Diosmin 90%; Các flavonoid biểu thị bằng hesperidin 10%	450mg, 50mg	Đường uống	Viên		1	Viên	1.500	6 tháng	
91	G.91	Acetyllecine	500mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm		1	Ống	120	6 tháng	
92	G.92	Ofloxacin	200 mg	Đường uống	Viên		4	Viên	12.698	6 tháng	
93	G.93	Levofloxacin	500mg	Đường uống	Viên		4	Viên	1.000	6 tháng	
94	G.94	Griseofulvin	500mg	Đường uống	Viên		4	Viên	1.600	6 tháng	
95	G.95	Adrenalin	1mg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm		4	Ống	45	6 tháng	
96	G.96	Hydrocortison	100mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô		4	Lọ	50	6 tháng	
97	G.97	Dexamethasone; Tobramycin	Mỗi 1 ml chứa: 1mg; 3mg	nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt		1	Lọ	70	6 tháng	
98	G.98	Dexamethason sodium phosphat	5 mg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm		4	Ống	90	6 tháng	
99	G.99	Drotaverine hydrochloride	40mg/2 ml	Tiêm	Thuốc tiêm		1	Ống	120	6 tháng	
100	G.100	Diclofenac natri	75mg/3ml	Tiêm	Thuốc tiêm		1	Ống	40	6 tháng	
101	G.101	Thiamin HCl; Pyridoxin HCl; Cyanocobalamin	50mg; 250mg; 5000mcg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô		4	Lọ	10	6 tháng	
102	G.102	Sorbitol	5g	Đường uống	Bột/cốm/hạt pha uống		4	Gói	900	6 tháng	
103	G.103	Natri clorid; Natri citrat; Kali clorid; Glucose khan	0,52g, 0,58g, 0,3g, 2,7g	Đường uống	Bột/cốm/hạt pha uống		4	Gói	400	6 tháng	

104	G.104	Nikethamid; Glucose monohydrat	125mg; 1500mg	Viên ngậm	Viên		4	Viên	200	6 tháng	
105	G.105	Vitamin C	1g	Đường uống	Viên sủi		2	Viên	120	6 tháng	
106	G.106	Telmisartan	40mg	Đường uống	Viên		1	Viên	180	6 tháng	
107	G.107	Glucosamin hydroclorid	500mg	Đường uống	Viên		4	Viên	12.102	6 tháng	
108	G.108	Propylthiouracil	50mg	Đường uống	Viên		2	Viên	1.701	6 tháng	
109	G.109	Olanzapin	15mg	Đường uống	Viên hòa tan nhanh		4	Viên	1.300	6 tháng	
110	G.110	Tranexamic acid	500mg	Đường uống	Viên		1	Viên	1.600	6 tháng	
111	G.111	Acid tranexamic	250mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm		1	Ống	30	6 tháng	
112	G.112	Clorpromazin hydroclorid	25mg	Đường uống	Viên		2	Viên	4.500	6 tháng	
113	G.113	Perindopril; Amlodipine	2,378mg, 2,5mg	Đường uống	Viên		1	Viên	210	6 tháng	
114	G.114	Ezetimibe; Atorvastatin	10mg; 10mg	Đường uống	Viên		1	Viên	210	6 tháng	
115	G.115	Fluconazol	150mg	Đường uống	Viên nang		2	Viên	300	6 tháng	
116	G.116	Naphazolin nitrat	7,5mg/15ml	Dung dịch nhỏ mũi và xịt mũi	Thuốc nhỏ mũi và xịt mũi		4	Chai	500	6 tháng	
117	G.117	Cimetidin	300mg	Tiêm	Thuốc tiêm		2	Ống	120	6 tháng	
118	VTYT.01	Ethanol	70%/60ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài		KPN	Chai	210	6 tháng	
119	VTYT.02	Băng cuộn y tế	Băng, cột ngoài vết thương Kích thước: 1m8*8.5cm	Dùng ngoài	Vật tư y tế		KPN	Cuộn	50	6 tháng	
120	VTYT.03	Băng cá nhân vải	Kích thước: 2cm*6cm Nhãn hiệu: Urgo	Dùng ngoài	Vật tư y tế		KPN	Hộp	50	6 tháng	

			Durable hoặc tương đương. Hộp 102 miếng							
121	VTYT.04	Băng thun 3 móc	Băng thun 3 móc	Dùng ngoài	Vật tư y tế		KPN	Cuộn	30	6 tháng
122	VTYT.05	Bơm tiêm 5ml/cc	5cc. Hộp 100 cái		Vật tư y tế		KPN	Hộp	6	6 tháng
123	VTYT.06	Dây truyền dịch	túi 1 sợi		Vật tư y tế		KPN	Bịch	10	6 tháng
124	VTYT.07	Gạc y tế tiết trùng	10cm x 10cm x 6 lớp	Dùng ngoài	Vật tư y tế		KPN	Gói	150	6 tháng
125	VTYT.08	Nước oxy già	3%/60ml	Dung dịch dùng ngoài	Vật tư y tế		KPN	Chai	150	6 tháng
126	VTYT.09	Povidon Iod	2g/20ml	Dung dịch dùng ngoài	Vật tư y tế		KPN	Chai	150	6 tháng
127	VTYT.10	Que thử đường	Que thử đường (On Call Extra); Hộp 25 test	Test	Vật tư y tế		KPN	Hộp	10	6 tháng
128	VTYT.11	Băng keo lụa	Dùng để cố định các loại băng dùng để băng vết thương và các thiết bị y tế (catheter, kim truyền,...) Kích thước: 2.5cm*5m. Hộp 1 cuộn	Dùng ngoài	Vật tư y tế		KPN	Hộp	70	6 tháng
129	VTYT.12	Găng tay y tế	Cao su thiên nhiên, phủ bột theo tiêu chuẩn dược phẩm của Mỹ. Hộp 50 đôi	Dùng ngoài	Vật tư y tế		KPN	Hộp	30	6 tháng

2.3. Các yêu cầu khác

- Nhà thầu phải:

- + Có thuyết minh quy trình tổ chức cung cấp thuốc khả thi, phù hợp với quy mô gói thầu, tuân thủ nguyên tắc thực hành tốt từ khâu nhập hàng, cấp phát, vận chuyển và giao hàng, đảm bảo được chất lượng thuốc khi bàn giao cho đơn vị sử dụng. Có tài liệu minh chứng phương tiện vận chuyển thuốc đáp ứng yêu cầu về nhiệt độ và độ ẩm bảo quản trên nhãn trong suốt quá trình giao hàng.
- + Có cam kết chấp nhận các phương pháp kiểm tra chất lượng hàng hóa mà chủ đầu tư sẽ tiến hành để chứng minh chất lượng sản phẩm do nhà thầu cung cấp trong trường hợp hàng hóa không đáp ứng yêu cầu hồ sơ mời thầu khi bàn giao (mọi chi phí do nhà thầu chịu).
- + Có cam kết thu hồi rác thải phóng xạ theo yêu cầu của Chủ đầu tư (đối với nhà thầu tham dự mặt hàng là thuốc phóng xạ).
- + Có cam kết cung ứng đủ hàng theo nhu cầu dự trữ của Chủ đầu tư ngay sau khi được lựa chọn trúng thầu.
- + Có cam kết thu hồi vô điều kiện những mặt hàng bị phát hiện có vấn đề về chất lượng trong quá trình sử dụng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Chủ đầu tư.
- + Có cam kết đáp ứng yêu cầu của đơn vị về tiến độ và phạm vi cung cấp.
- + Có cam kết đảm bảo khả năng cung cấp thuốc theo đúng yêu cầu về chất lượng thuốc.
- + Có cam kết bồi thường thiệt hại do thuốc không đạt chất lượng gây ra (nếu có).
- + Có cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về các mặt hàng thuốc tham dự thầu vào các nhóm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế.
- + Có cam kết trong vòng 03 năm kể từ năm đóng thầu:
 - ++ Không có hợp đồng bị phạt do chậm tiến độ hoặc bỏ dở hợp đồng do lỗi của nhà thầu.
 - ++ Không có trường hợp Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu khi được mời vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có).
 - ++ Chất lượng hàng hóa của nhà thầu đã cung cấp được sử dụng mà không có bất kỳ khiếu nại nào.
 - ++ Không bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu bởi bất kỳ cơ quan hay tổ chức nào. Chưa từng bị bất kỳ Chủ đầu tư nào ra quyết định xử phạt, kết luận có hành vi gian lận, vi phạm các quy định tại Điều 16 của Luật đấu thầu số 22/2023/QH15.
- Trong quá trình cung ứng thuốc nếu có yêu cầu thì nhà thầu phải cung cấp phiếu kiểm nghiệm (bản sao) đối với mỗi lô thuốc cùng với hóa đơn cho Chủ đầu tư (mỗi lô thuốc phải có phiếu kiểm nghiệm riêng, trường hợp trong năm cung ứng thuốc thành nhiều đợt nhưng các thuốc này cùng 1 lô sản xuất thì chỉ cần cung cấp 1 phiếu kiểm nghiệm của lô thuốc đó). Số lô sản xuất được in trên hóa đơn bán hàng hoặc phiếu báo lô kèm theo. Trong quá trình cung ứng, trường hợp có yêu cầu từ Chủ đầu tư thì nhà thầu phải cung cấp giấy phép lưu hành sản phẩm (bản sao) để kiểm tra, đối chiếu.
- Nhà thầu phải nộp cùng E-HSDT các tài liệu để chứng minh thông tin thuốc dự thầu: Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của thuốc, tài liệu chứng minh thông tin thuốc và các yêu cầu liên quan khác về tài liệu theo hướng dẫn của E-HSMT. Các tài liệu này là một phần yêu cầu của E-HSDT để chủ đầu tư có đầy đủ cơ sở để đánh giá tính đáp ứng của E-HSDT so với yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp nhà thầu không cung cấp một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu thì được xem là bỏ sót nội dung, E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét và đánh giá.
- *Ghi chú:** Trong trường hợp nghi ngờ nhà thầu tham dự có hành vi cam kết không trung thực trong hồ sơ dự thầu, Chủ đầu tư sẽ tiến hành xác minh tính chính xác về các nội dung cam kết của nhà thầu tham dự. Nếu kết quả xác minh cho thấy nhà thầu cố ý cam kết không trung

thực làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị đánh giá là không đạt, đồng thời bị xử lý vi phạm hành vi gian lận trong hoạt động đấu thầu theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 và nhà thầu bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 03 năm đến 05 năm theo quy định tại Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Nhà thầu phải có cam kết nếu trúng thầu phải thực hiện những nội dung sau:

a) Khi có yêu cầu của Chủ đầu tư về việc kiểm tra và thử nghiệm trước khi bàn giao sản phẩm đại trà, nhà thầu phải:

- Cung cấp hàng hóa để kiểm tra, thử nghiệm trước thời điểm giao hàng tối thiểu là 01 ngày, để Chủ đầu tư kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa về tính xác thực, tính an toàn... của các hàng hoá đã trúng thầu, phải đạt theo đúng các yêu cầu của E-HSMT và theo quy định hiện hành của Nhà nước. Trường hợp hàng hóa không đạt, nhà thầu phải thay thế sản phẩm khác nhanh chóng, vô điều kiện; khi chủ đầu tư chấp thuận hàng hóa kiểm tra thử nghiệm xong thì mới được giao hàng đại trà.

- Địa điểm kiểm tra: Tại Trại giam Định Thành hoặc theo thỏa thuận của 2 bên.

- Thời gian kiểm tra: Không quá 01 ngày.

- Kinh phí: Do nhà thầu chịu trách nhiệm.

b) Nếu không có yêu cầu của Chủ đầu tư về việc kiểm tra và thử nghiệm trước khi bàn giao sản phẩm đại trà; Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ hàng hàng hóa đảm bảo theo đúng các yêu cầu của E-HSMT, các quy định hiện hành của Nhà nước và hợp đồng đã ký kết. Trường hợp hàng hóa không đạt, nhà thầu phải thay thế sản phẩm khác nhanh chóng, vô điều kiện để đảm bảo cung cấp hàng hoá theo đúng tiến độ.

c) Toàn bộ hàng hóa được bàn giao tại đơn vị sử dụng trước khi nghiệm thu, đưa vào sử dụng; nhà thầu chịu trách nhiệm hướng dẫn sử dụng... theo đúng yêu cầu.

d) Sau khi hàng hoá đã nghiệm thu, bất kỳ thời điểm nào Chủ đầu tư cũng được quyền yêu cầu thực hiện công tác kiểm tra nghiệm thu.

- Đánh giá chất lượng hàng mẫu:

- *Thuốc tiêm:

- + Dạng lỏng: Nếu là ống thủy tinh phải dễ bẻ. Nếu là nhũ dịch thì đồng nhất, không tách lớp

- + Dạng bột: Không có màu sắc bất thường, dễ tan hoặc dễ phân tán, ống dung môi đi kèm (nếu có)

- + Thuốc tiêm truyền: Nút chai không bị rò rỉ khi tiêm truyền, có nút nhựa để cắm kim tiêm truyền

- *Thuốc uống, tọa được bao bì kín, dễ mở, không bị biến dạng trong quá trình bảo quản, mùi vị dễ chịu:

- + Dạng nước: Bao bì gọn nhẹ

- + Dạng gói: Không hút ẩm

- *Dạng viên: Không bị vỡ khi mở bao bì, thuốc và bao bì không hút ẩm

Nếu có sự không phù hợp đối với các tiêu chí trên, Chủ đầu tư sẽ quyết định loại hay giữ thuốc đó để tiếp tục đánh giá tiếp.

- Yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, đóng gói, vận chuyển:

- + Theo “Phụ lục I. Mẫu cam kết” và các quy định trong E-HSMT.

- + Nhà thầu phải có phương tiện vận chuyển thuốc đến tận nơi đơn vị sử dụng, đảm bảo nhiệt độ, độ ẩm theo quy định của Cục Quản lý Dược

- Bộ Y tế.

PHỤ LỤC I. MẪU CAM KẾT
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
BẢN CAM KẾT

....., ngày.... tháng.... năm....

Kính gửi: **Trại giam Định Thành**

Sau khi nghiên cứu E-HSMT gói thầu “Gói thầu HH-01: Mua thuốc và vật tư y tế 6 tháng cuối năm 2026 tại Trại giam Định Thành” thuộc dự toán mua sắm “Mua thuốc và vật tư y tế 6 tháng cuối năm 2026 tại Trại giam Định Thành” do Trại giam Định Thành làm Chủ đầu tư.

Chúng tôi, *[điền tên nhà thầu]*, cam kết các nội dung như sau:

1. Cung cấp hàng hóa mới 100%, xuất xứ rõ ràng, còn nguyên đai nguyên kiện, đảm bảo đạt tiêu chuẩn chất lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư trong các đợt giao hàng cho đơn vị theo kết quả trúng thầu của gói thầu này (nếu được lựa chọn trúng thầu).

2. Thời gian giao hàng tới kho của đơn vị sử dụng/đơn vị thụ hưởng trong thời gian không quá 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của Chủ đầu tư.

3. Trong trường hợp nhà thầu không có thuốc cung ứng hoặc cung ứng thuốc không đúng với các thông số kỹ thuật chào thầu hoặc thời gian cung ứng chậm trễ theo hợp đồng, nhà thầu phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về mặt tài chính theo yêu cầu của Chủ đầu tư và được xem là chậm tiến độ/không hoàn thành hợp đồng.

4. Về phương thức thanh toán: Thanh toán trong vòng 90 ngày sau khi hoàn tất hóa đơn hợp pháp, thủ tục nhập kho và nghiệm thu bàn giao.

5. Cung ứng kịp thời, chính xác, đủ về số lượng thuốc trúng thầu, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng như đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền trong thời gian hiệu lực của hợp đồng. Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về điều kiện giao hàng tiến độ và phạm vi cung cấp nêu trong E-HSMT.

6. Thu hồi thuốc vô điều kiện kể cả khi hợp đồng đã chấm dứt nếu thuốc đã giao không đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật như đã chào thầu, hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Chủ đầu tư và hoàn trả đầy đủ thuốc đảm bảo chất lượng cho Chủ đầu tư, tương ứng với số lượng thuốc đã thu hồi đồng thời đền bù mọi chi phí có liên quan.

7. Cung cấp thuốc theo đúng kỹ thuật, chất lượng theo yêu cầu của E-HSMT trước đó và đơn giá theo đúng giá trúng thầu (kể cả trong trường hợp có trượt giá trong năm).

8. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin kê khai, kê khai lại đã cung cấp và chưa có ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý Nhà nước về giá thuốc đối với tính bất hợp lý của mức giá kê khai hoặc kê khai lại.

9. Đảm bảo đáp ứng về yêu cầu vận chuyển đến địa điểm cung cấp: Đảm bảo giao hàng theo quy định trong hợp đồng mua bán/hợp đồng kinh tế thuốc ký kết với Chủ đầu tư.

10. Đảm bảo đáp ứng về thời hạn hợp đồng: Đảm bảo cung cấp thuốc y tế theo thời hạn hợp đồng đã ký kết với Chủ đầu tư và có thể được yêu cầu cung cấp thành một hoặc nhiều đợt khác nhau.

11. Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho Chủ đầu tư phải bảo đảm theo yêu cầu của Chủ đầu tư, được thống nhất trong quá trình hoàn thiện và ký kết hợp đồng.

12. Trong vòng 03 năm kể từ thời điểm đóng thầu không có hợp đồng bị phạt, không có trường hợp nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu khi được mời vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có), chất lượng hàng hóa của nhà thầu đã cung cấp được sử dụng mà không có bất kỳ khiếu nại nào, không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu; đối với nhà thầu là Hộ kinh doanh: Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

13. Sẵn sàng cung cấp bản gốc các tài liệu đề đối chiếu khi có yêu cầu của Chủ đầu tư: Hợp đồng tương tự, Biên bản nghiệm thu thanh lý, Hóa đơn tài chính, Sao kê ngân hàng chứng minh giao dịch (nếu có yêu cầu) của hợp đồng tương tự và các tài liệu khác có liên quan.

14. Cung cấp chứng từ hàng hóa (nếu có yêu cầu): Tại thời điểm giao nhận hàng hóa, nhà thầu phải cung cấp bản sao chứng thực tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa về xuất xứ và chất lượng hàng hóa.

15. Đối với các mặt hàng thuốc có kết quả đàm phán giá cấp quốc gia, kết quả đấu thầu tập trung cấp quốc gia, kết quả đấu thầu tập trung cấp địa phương được công bố, giá thuốc cung ứng cho chủ đầu tư sẽ thực hiện điều chỉnh căn cứ trên nguyên tắc giá thuốc cung ứng trong cùng nhóm tiêu chí kỹ thuật không được vượt giá thuốc trúng thầu thông qua đàm phán giá và đấu thầu tập trung cấp quốc gia, đấu thầu tập trung cấp địa phương.

16. Trong trường hợp giấy phép lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu hay hồ sơ gia hạn hiệu lực số đăng ký của thuốc tham dự thầu bị hết hạn, chúng tôi xin đảm bảo sẽ cung cấp văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc tuân thủ theo đúng các quy định.

17. Bảo quản và phân phối thuốc đảm bảo đúng yêu cầu quy định về GSP, GDP trong suốt quá trình vận chuyển tới kho của Chủ đầu tư.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)